| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LÊ CHÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày 18-10-2018<br>V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Nam Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh T; nơi tạm trú: Số 15D/5/229 M, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D; nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh T; nơi tạm trú: Số 15D/5/229 M, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở

tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 31/2/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Đến nay, vợ chồng đã có 01 con chung.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận một thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Tháng 5 năm 2017, chị T đã có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng nhưng được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng về chung sống mâu thuẫn của hai bên càng trở nên căng thẳng. Thực tế đến nay, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Kiều L, sinh ngày 01/9/201X. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; bị đơn đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Kiều L, sinh ngày 01/9/201X cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản làm việc ngày 12/7/2018 và ngày 13/8/2018 thể hiện anh D có nơi tạm trú tại số 15D/5/229 M, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn D tuân thủ đúng quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị T trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận một thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Tháng 5 năm 2017, chị T đã có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng nhưng được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng về chung sống, mâu thuẫn của hai bên càng trờ nên căng thẳng. Thực tế đến nay, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Lời khai của chị T phù hợp với thực tế qua xác minh về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống cũng như tình trạng hiện tại của vợ chồng cùng với các

tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Đối với anh D, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không có lý do như vậy có thể thấy anh D đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được pháp luật bảo vệ, đồng thời thể hiện anh D không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa họ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với các qui định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung:

[5] Về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Hai bên có 01 con chung là Nguyễn Phạm Kiều L, sinh ngày 01/9/201X. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận định hiện nay cháu L đang ở với chị T, chị T có công việc và thu nhập tốt đảm bảo điều kiện cũng như khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy giao con chung cho chị T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Kiều L, sinh ngày 01/9/201X cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị T đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005225 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND Quận Lê Chân;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T (GCNKH 2015);
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Nam Ninh**